

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Nhất
- Ông Lê Hồng Thức

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số B, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 1997 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương. Đến ngày 18/12/2002, chị và anh C thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa), được UBND xã Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 18/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, do đó từ tháng 10/2019 chị và anh C ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh C. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn C.

Về con: Chị và anh C có 02 con chung là các cháu Lương Thị T, sinh ngày 23/12/1998 và Lương Anh H1, sinh ngày 15/7/2005. Hiện nay, cháu tâm đã trên 18 tuổi, cháu khỏe mạnh bình thường và đã kết hôn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lương Anh H1, chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn là chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt.

Bị đơn là anh Lương Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải và triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh C đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Toà án đã tiến hành xác minh tại khu phố O, thị trấn L, huyện L về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Đại diện khu phố cho biết, anh Lương Văn C đăng ký thường trú tại khu phố O, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay chưa thay đổi nơi đăng ký thường trú; anh C không đăng ký tạm trú ở nơi khác và không xin tạm vắng khỏi địa phương. Anh C là lao động tự do, cụ thể làm ở đâu, làm công việc gì đại diện khu phố không biết, mỗi tháng anh C chỉ về nơi cư trú vài lần.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Giữa chị H và anh C thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, nhưng không rõ nguyên nhân. Khi mâu thuẫn xảy ra, đại diện khu phố đã đến gặp để động viên, hoà giải nhưng không gặp chị H và anh C vì chị H và anh C là lao động tự do nên không thường xuyên có mặt ở nhà.

Về điều kiện nuôi con: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Lương Thị T và Lương Anh H1, còn ngày tháng năm sinh của các cháu đại diện khu phố không biết rõ. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi và xây dựng gia đình riêng, còn cháu H1 đang ở cùng chị H và anh C tại khu phố O, thị trấn L, huyện L, cháu khỏe mạnh và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Gia đình chị H, anh C thuộc diện khó khăn về kinh tế, cả chị H và anh C chưa có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng chị H và anh C đều là người chấp hành tốt quy định của pháp luật, nội quy, quy

ước của địa phương và đều quan tâm chăm lo cho các con. Đại diện khu phố nhận thấy điều kiện nuôi con của chị H và anh C là ngang nhau, nên giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt; bị đơn là anh Lương Văn C vắng mặt tại phiên toà, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị H và Trích lục kết hôn (bản sao) số 107/2022/TLKH-BS ngày 09/9/2022 do UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lương Văn C là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, chị H đều có nguyện vọng được ly hôn anh C; anh C không có ý kiến.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của các đương sự thì giữa chị H và anh C thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng phải ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án tham gia hòa giải giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định cho chị H được ly hôn anh C.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị H và bản sao Giấy khai sinh của cháu T, cháu H1, đủ cơ sở xác định: Các cháu Lương Thị T, sinh ngày 23/12/1998 và Lương Anh H1, sinh ngày 17/05/2005 là con chung của chị H và anh C.

Xét nguyện vọng của chị H, thấy: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Xét về điều kiện nuôi con của chị H, anh C thấy: Căn cứ lời trình bày của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì chị H và anh C có điều kiện nuôi con là ngang nhau; trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, còn anh C không có ý kiến về việc nuôi con. Mặt khác, cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị H. Để cháu H1 có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt nên giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Lương Thị T, đã trên 18 tuổi và đã kết hôn, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị H là người dân tộc thiểu số (Dân tộc T1), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đơn đề nghị miễn án phí, Tòa án đã quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị H, nay xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lương Văn C.

Về con: Giao cháu Lương Anh H1, sinh ngày 15/7/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Lê Thị H.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; vắng mặt nguyên đơn Lê Thị H, bị đơn Lương Văn C. Chị H và anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người BVQLIHP của nguyên đơn;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám